

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ

V/v giao chỉ tiêu kế hoạch nghĩa vụ lao động công ích năm 1997

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;

- Căn cứ Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích số 09/HĐNN ngày 22/11/1988 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 56/HĐBT ngày 30/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích ;

- Căn cứ hướng dẫn số 989/UB-TH ngày 05/3/1990 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện nghĩa vụ lao động công ích ở thành phố Hồ Chí Minh ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Nay giao chỉ tiêu kế hoạch huy động và phân phối sử dụng quỹ nghĩa vụ lao động công ích hàng năm của thành phố năm 1997 (theo biểu đính kèm).

Điều 2.- Ấn định mức đóng tiền thay công trực tiếp năm 1997 cho người có nghĩa vụ tham gia lao động công ích cư trú tại thành phố với các nước như sau :

- a) Ở khu vực nội thành : 10.000 đồng/ngày công.
- b) Ở khu vực ngoại thành và quận 4, quận 8 : 5.000 đồng/ngày công.
- c) Riêng đối với những người trong diện các hộ sản xuất kinh doanh – dịch vụ : 20.000 đồng/ngày công.

Điều 3.- Các trường hợp được miễn và tạm miễn nghĩa vụ lao động công ích thực hiện theo điều 10, điều 11 Pháp lệnh 09/CCT-HĐNN8 ngày 22/11/1988 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 56/HĐBT ngày 30/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)

I- Những người sau đây được miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hàng năm :

1- Quân nhân kể cả công nhân Quốc phòng, Công an nhân dân.

2- Thương binh, bệnh binh.

3- Bố, vợ hoặc chồng liệt sĩ.

4- Người tàn tật, người mất sức lao động.

5- Những người giữ chức sắc tôn giáo sau đây được miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích :

- Đại Đức, Hòa Thượng, Thượng Tọa (đối với đạo Phật).

- Linh mục, Giám mục, hoặc đứng đầu các dòng tu (đối với Thiên chúa giáo).

- Giảng sư, Mục sư (đối với đạo Tin Lành).

II- Những người sau đây được tạm miễn tham gia lao động công ích :

1- Người ốm đau đang điều trị, điều dưỡng

2- Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ chưa đủ 36 tháng.

3- Người đang trực tiếp phục vụ thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động, tai nạn chiến tranh, bệnh nghề nghiệp được xếp hạng thương tật nặng.

4- Người là lao động duy nhất đang trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động không nơi nương tựa.

5- Quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ chưa đủ 3 năm, kể từ ngày đến làm việc ở vùng kinh tế mới.

6- Ngừng người đang lao động, học tập, công tác ở nước ngoài từ 1 năm trở lên.

7- Những người trong các hộ được quận, huyện, phường xã công nhận thuộc diện xóa đói giảm nghèo.

Điều 4.- Quỹ tiền công nghĩa vụ lao động công ích năm 1997 được phân phối sử dụng :

a) Trích 5% tổng quỹ công quy thành tiền để chi cho công tác tổ chức quản lý. Chia 5% này như sau :

+ 0,1% trích về thành phố để sử dụng vào việc in ấn biên ali thu, biểu mẫu điều tra, hội nghị, khen thưởng.

+ 0,4% do quận huyện quản lý để sử dụng hội nghị, vận động tuyên truyền, khen thưởng phường, xã – Thị trấn.

+ 4,5% để lại cho phường, xã, thị trấn để hội họp, bồi dưỡng cho cán bộ trực tiếp tham gia huy động.

b) Quỹ tiền công còn lại (sau khi trừ 5%) được tính tành 100% phân phối sử dụng cho các công trình : quận 20%, phường 80%; huyện 10%, xã 90%.

Điều 5.- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm quyết định kế hoạch và tổ chức thực hiện huy động nghĩa vụ lao động công ích xây dựng các

công trình công ích tại quận, huyện, phường, xã, thị trấn, có thông báo cho nhân dân địa phương được biết. Thực hiện báo cáo kết quả xây dựng công trình theo quy định của thành phố.

Điều 6.- Huy động nghĩa vụ lao động công ích đối với sinh viên, học sinh đang học các trường phổ thông, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, đại học được thực hiện bằng ngày công lao động trực tiếp do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức huy động vào ngày lễ, ngày chủ nhật xây dựng các công trình công ích tại phường, xã, thị trấn.

Điều 7.- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các nội dung trước đây của thành phố trái với quyết định này.-

Nơi nhận :

- Nhutren
- Thường trực Thành ủy
- TTUB : CT, PCT/QLĐT
- VPUB : PVP/QLĐT
- Tổ QLĐT
- Lưu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI QUỸ NGHĨA VỤ
LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH NĂM 1997**

(Ban hành kèm theo quyết định số 1214/QĐ-UB-NCVX
ngày 19/3/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính : ngày công

QUẬN, HUYỆN	Kế hoạch huy động	Trích quản lý phí 5%	Phân phối sử dụng công trình	
			Quận 20% Huyện 10%	Pường 80% Xã 90%
Toàn Thành phố	3.412.000	170.600	588.765	2.672.635
<i>Nội thành</i>	<i>2.575.000</i>	<i>128.750</i>	<i>489.250</i>	<i>1.957.000</i>
1. Quận 1	200.000	10.000	38.000	152.000

2. Quận 3	190.000	9.500	36.100	144.400
3. Quận 4	130.000	6.500	24.700	98.800
4. Quận 5	240.000	12.000	45.600	182.400
5. Quận 6	185.000	9.250	35.150	140.600
6. Quận 8	190.000	9.500	36.100	144.400
7. Quận 10	250.000	12.500	47.500	190.000
8. Quận 11	260.000	13.000	49.400	197.600
9. Quận Phú Nhuận	180.000	9.000	34.200	136.800
10. Quận Tân Bình	360.000	18.000	68.400	273.600
11. Quận Bình Thạnh	240.000	12.000	45.600	182.400
12. Quận Gò Vấp	150.000	7.500	28.500	114.000
<i>Ngoại thành</i>	<i>837.000</i>	<i>41.850</i>	<i>79.515</i>	<i>715.635</i>
13. H.Hóc Môn	175.000	8.750	16.625	149.625
14. H.Củ Chi	175.000	8.750	16.625	149.625
15. H.Nhà Bè	100.000	5.000	9.500	85.500
16. H.Thủ Đức	215.000	10.750	20.425	183.825
17. H.Cần Giờ	47.000	2.350	4.465	40.185
18. H.Bình Chánh	125.000	6.250	11.875	106.875

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ